

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DSST

Ngày: 24/8/2022

*“V/v : Tranh chấp đòi lại
tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH G

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoàng và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân phố P, tỉnh G.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ng Th Kim C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 5, xã An Phú, thành phố P, tỉnh G.

- Bị đơn: Ông Ng Th H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 5, xã An Phú, thành phố P, tỉnh G.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Ng Th Kim C trình bày:

Ông Ng Th H có tên gọi ở nhà là Tuấn, giữa bà và ông Ho là hàng xóm với nhau, nên vào ngày 17/01/2018 bà có cho ông Ho mượn số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và Ho hẹn hai tháng sau sẽ hoàn trả lại cho bà, sau đó ông Ho có trả dần cho bà được 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), số còn lại ông Ho cứ hẹn mãi nhưng không trả, vì vậy nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Ng Th H trả số tiền gốc còn lại là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), bà Co không yêu cầu ông Ho trả lãi suất.

Về án phí: Giải quyết theo qui định pháp luật.

Ngoài ra bà Co không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Ng Th H (tên gọi khác là: T) trình bày:

Ông Ho thừa nhận vào năm 2015 ông có vay của bà Co số tiền 100.000.000đồng nhưng tại thời điểm đó hai bên không viết giấy nhận nợ, trong

số tiền 100.000.000 đồng này ông Ho đã trả cho bà Co 91.000.000 đồng tiền gốc từ ngày 08/9/2015 đến năm 2018 và tiền lãi là 45.000.000 đồng, trả theo hình thức tiền ngày tức là cứ 10 ngày ông Ho đã 5.000.000 đồng tiền lãi; như vậy ông Ho chỉ còn nợ lại bà Co số tiền gốc 9.000.000 đồng, chứ không phải 60.000.000 đồng như bà Co khởi kiện; đối với số tiền 100.000.000 đồng này do hai bên không viết giấy tờ chủ yếu là chị em, hàng xóm tin nhau nên khi trả nợ cho bà Co ông chỉ ghi vào sổ cá nhân của ông để tự theo dõi, vì vậy ông không có chứng cứ gì để nộp cho Tòa án là ông đã trả cho bà Co số tiền 91.000.000 đồng.

Còn giấy mượn tiền viết vào ngày 17/01/2018 như bà Co khởi kiện thì ông Ho cũng thừa nhận do ông Ho tự tay viết và ký xác nhận, nhưng tại thời điểm này ông Ho không mượn tiền của bà Co, nguyên nhân ông Ho viết giấy mượn tiền này là do lúc đó ông Ho có nhu cầu cần số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, ông Ho có sang nhờ bà Co đi vay hộ với hình thức là thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bà Co yêu cầu ông viết giấy nhận tiền thì bà Co mới đi vay tiền giúp ông, nhưng đến ngày hôm sau bà Co trả lại cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đưa lại tờ giấy viết mượn tiền ngày 17/01/2018 ông đã viết và ông cũng quên không lấy lại giấy mượn tiền; ông Ho khẳng định bà Co đã lừa dối ông để giờ buộc ông phải trả, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Co.

Đối với giấy mượn tiền viết ngày 17/01/2018 là tôi viết tại nhà chị Diệp Th T, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn 5, An Phú, P, G (chị Th là con dâu của bà Co), hôm nay chị Th đi cùng với bà Co và chị Th cũng có mặt tại hội trường xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử có thể hỏi bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn ông Ng Th H (tên gọi khác Tuấn) có nơi cư trú tại thành phố P, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Giấy mượn tiền (bút lục số 28, bản gốc), nội dung: “*Tôi tên Ng Th H tôi có mượn bà Ng Th Kim C số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hôm nay là ngày 17-1-2018 trong vòng 2 tháng tôi xin hoàn trả lại, nếu không có tôi xin chịu hoàn toàn trước pháp luật và ký ghi rõ họ tên người mượn tiền là Ng Th H*”. Khi đến hạn trả nợ ông Ho đã trả cho bà Co được 40.000.000 đồng; nay bà Co có đơn khởi kiện buộc ông Ng Th H trả lại tài sản là số tiền gốc 60.000.000 đồng còn lại ông Ho đã mượn từ năm 2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Ng Th H thừa nhận vào năm 2015 ông Ho có vay của bà Co số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và đã trả 91.000.000đ (Chín mươi một triệu đồng) tiền gốc từ ngày 08/9/2015 đến năm 2018, tiền lãi suất là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) trả theo hình thức tiền ngày tức là cứ 10 ngày ông trả 5.000.000đ tiền lãi cho bà Co, ông Ho trình bày chỉ còn nợ bà Co số tiền gốc 9.000.000đ, chứ không phải 60.000.000đ như bà Co khởi kiện. Ông Ho cũng thừa nhận là người trực tiếp viết và ký xác nhận người mượn số tiền 100.000.000đ viết vào ngày 17/1/2018 của bà Ng Th Kim C, mục đích ông Ho viết giấy mượn tiền này là nhờ bà Co đi thế chấp quyền sử dụng đất giúp ông chứ không phải giao dịch về việc ông có mượn tiền của bà Co; tuy nhiên ông Ho chỉ trình bày và không cung cấp chứng cứ chứng minh để xác định đã trả tiền gốc và lãi cho bà Co để Hội đồng có căn cứ xét xử xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết vay mượn tiền giữa bà Co với ông Ho là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện, ông Ho không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm cam kết giữa hai bên; xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực pháp luật và có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Ng Th H phải trả lại tài sản là số tiền gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) cho nguyên đơn bà Ng Th Kim C.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Ng Th H phải chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*).

- Áp dụng các Điều 116, 117, 278, 280 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015;

[1]. Tuyên xử: Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng Th Kim C.

[2]. Buộc bị đơn ông Ng Th H phải trả cho nguyên đơn bà Ng Th Kim C số tiền gốc là 60.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng*),

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm Th toán.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn ông Ng Th H phải nộp 3.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công.

Trả lại cho nguyên đơn bà Ng Th Kim C số tiền 1.500.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0002005 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh G.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

[5]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND Tp P;
- Chi cục THADS Tp P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngà

